

Bản án số 36/2020/HNGĐ- ST

Ngày 30/6/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
giữa chị A với anh T

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chính

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị A với anh T*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1981 (có mặt )

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1978 (có mặt )

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Thị A trình bày: Năm 2008, chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về chung sống cùng anh T ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần vợ chồng đã xảy ra xô xát. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T sinh được con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/02/2009. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con, chị không yêu cầu anh T

cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm việc tại công ty LexXe của Trung Quốc tại khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang, ngày làm 8 giờ, thu nhập trung bình 9.000.000đ/tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi cháu K trưởng T.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Năm 2008, được sự đồng ý của hai gia đình, anh và chị Nguyễn Thị A đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn, anh và chị A có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Lục Nam. Sau đám cưới, chị A về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau vặt. Đến năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau hơn, thỉnh thoảng xảy ra xô xát. Cuối năm 2018, anh và chị A sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2019, anh và chị A không chung sống cùng nhà nữa, anh về nhà mẹ đẻ anh ở. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị A đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được, chị A xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A sinh được con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/02/2009. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Anh ở nhà làm ruộng, có thời gian quan tâm chăm sóc con tốt hơn.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị A và anh T được thuận tình ly hôn. Giao con chung cho chị A nuôi. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A kết hôn với anh Nguyễn Đình T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Lục Nam ngày 14 tháng 5 năm 2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hiểu, thông cảm, chia sẻ với nhau. Chị A và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay cả chị A và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể

đoàn tụ gia đình được nữa và đều nhất trí thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Đình T có con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/02/2009. Xét cả chị A và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con và đều có điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu Nguyễn Đình K được ở với mẹ nên giao cháu cho chị A nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A nuôi con là Nguyễn Đình K, sinh ngày 25/02/2009. Anh Nguyễn Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004624 ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã E;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huân**